

Bản án số: 420 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29/08/2024

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vương Đăng Khoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Tiến Lợi

Bà Nguyễn Thị Hà

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thị Diệu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: ông Cù Ngô Ngọc Thịnh - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 313/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 07 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 08 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị M, sinh năm 1983

KHTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã H, huyện C, Hà Nội.(có mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Viết T, sinh năm 1978

HKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã H, huyện C, Hà Nội.(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn chị Trịnh Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị M với anh Nguyễn Viết T có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 03/03/2006 tại UBND xã H, Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sống chung với nhau mâu thuẫn khoảng 10 năm. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay tôi xác định không còn tình cảm vợ

chồng nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết cho tôi được ly hôn với anh T

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung: cháu Nguyễn Viết K, sinh ngày 21/01/2007 và cháu Nguyễn Thị N 13/04/2015; cháu Nguyễn Viết P ngày 20,03/2019. Ly hôn tôi xin nuôi con cháu P chồng nuôi cháu K và cháu N. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Vợ chồng tôi không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nghĩa vụ chịu án phí:** Tôi tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

2. Quá trình tham gia tố tụng bị đơn – anh Nguyễn Viết T trình bày:

- Về hôn nhân: Anh T1 chị Trịnh Thị M có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 03/03/2006 tại UBND xã H, Hà Nội. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi sống chung với nhau mâu thuẫn năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay tôi không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng tôi có 03 con chung: cháu Nguyễn Viết K, sinh ngày 21/01/2007 và cháu Nguyễn Thị N 13/04/2015; cháu Nguyễn Viết P ngày 20,03/2019. Ly hôn tôi xin nuôi 03 con Ngát và cháu P1 K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của vợ.

- **Về tài sản chung, công nợ chung:** Anh T2 chị M không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nghĩa vụ chịu án phí:** Vợ tôi tự nguyện chịu toàn bộ tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Qua xác minh bà Nguyễn Thị H thôn và bà Nguyễn Thị P2 mẹ đẻ của anh T3 biết: chị M1 anh T tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn và tổ chức cưới hỏi theo truyền thống địa phương, vợ chồng anh chị có mâu thuẫn không thấy thông báo với chính quyền địa phương. Nay chị M muốn ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung: chị M1 anh T4 03 con chung: cháu Nguyễn Viết K, sinh ngày 21/01/2007 và cháu Nguyễn Thị N 13/04/2015; cháu Nguyễn Viết P ngày 20/03/2019. Hiện tại cháu P3 theo mẹ đi khỏi nhà còn 02 cháu K1 cháu N đang ở cùng với bố tại xã H, huyện C, thành phố Hà Nội

- Tài sản, công nợ chung: Không có

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn chưa chấp hành quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào ý kiến, quan điểm của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn và xử cho chị Trịnh Thị M được ly hôn anh Nguyễn Viết T; Về con chung: giao con chung là cháu Nguyễn Viết P ngày 20/03/2019 cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác; Giao con chung là Nguyễn Viết K, sinh ngày 21/01/2007 và cháu Nguyễn Thị N 13/04/2015 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung; Về tài sản chung, công nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng:** Bị đơn anh Nguyễn Viết T cư trú tại thôn Đ, xã H, huyện C, Tp .Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Nguyễn Viết T đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng tuy nhiên anh T5 mặt không có lý do chính đáng. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị M và anh Nguyễn Viết T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tuân thủ điều kiện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 03/03/2006 tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện C, Hà Nội nên hôn nhân giữa chị M và anh T là hôn nhân hợp pháp. Trên cơ sở lời khai của chị M, kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân cho thấy: Trong quá trình chung sống, giữa chị M và anh T thường xuyên phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Trước yêu cầu của chị M xin ly hôn, anh T không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị M1 anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo

dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Yêu cầu của chị M xin ly hôn anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

2.2. Về con chung: Chị M và anh T có 03 con chung cháu Nguyễn Viết K, sinh ngày 21/01/2007 và cháu Nguyễn Thị N 13/04/2015; cháu Nguyễn Viết P ngày 20/03/2019. Hiện tại cháu P đang ở cùng với chị M, cháu K1 cháu N đang ở cùng bố.

Xét việc xin nuôi con chung thấy: Xét thấy cháu Nguyễn Viết P5 đang ở cùng chị M và cháu Nguyễn Viết K2 cháu Nguyễn Thị N2 đang ở cùng anh T6

Xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung yêu cầu của chị M việc chăm sóc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung hiện nay. Giao cháu Nguyễn Viết P5, sinh ngày 20/03/2019 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Giao cháu Nguyễn Viết K, sinh ngày 21/01/2007 và cháu Nguyễn Thị N 13/04/2015 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị M và anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2.3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M1 anh T7 nguyện cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của chị M và anh T đến khi có sự thay đổi khác.

2.4. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M1 anh T8 yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

2.5. Về án phí: Chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử:

1.Về hôn nhân: Chị Trịnh Thị M2 ly hôn anh Nguyễn Viết T

2.Về con chung: Chị M và anh T có 03 con chung cháu Nguyễn Viết K, sinh ngày 21/01/2007 và cháu Nguyễn Thị N 13/04/2015; cháu Nguyễn Viết P ngày 20/03/2019.

Giao cháu Nguyễn Viết P ngày 20/03/2019 cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Giao Nguyễn Việt K, sinh ngày 21/01/2007 và cháu Nguyễn Thị N 13/04/2015 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác.

Chị Trịnh Thị M3 anh Nguyễn Việt T có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ghi nhận sự tự nguyện của chị M3 anh T8 yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của chị M và anh T đến khi có sự thay đổi khác.

4.Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5.Về án phí: Chị Trịnh Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về phân ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0002212 ngày 10/07/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Tp .

Án xử công khai sơ thẩm, chị Trịnh Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Nguyễn Việt T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận

- Dương sự;
- TAND Tp. Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- UBND xã Hợp Đồng, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội
- Lưu HSVA – VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vương Đăng Khoa

